

SỞ Y TẾ PHÚ YÊN
TRUNG TÂM Y TẾ H. TUY AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 283 /TB-TTYT

Tuy An, ngày 15 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO
Cung cấp báo giá vật tư y tế, hóa chất và sinh phẩm

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Tuy An có nhu cầu mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất và sinh phẩm chẩn đoán invitro(gọi chung là vật tư y tế) để phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại đơn vị (chi tiết theo danh mục đính kèm).

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư y tế năm 2023. Trung tâm Y tế huyện Tuy An mời quý công ty có khả năng cung cấp các mặt hàng trên xin gửi báo giá với đầy đủ các nội dung cần thiết (theo biểu mẫu đính kèm).

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 15/5/2023 đến 19/5/2023

Địa điểm: Trung tâm Y tế huyện Tuy An, KP Trường Xuân, Thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

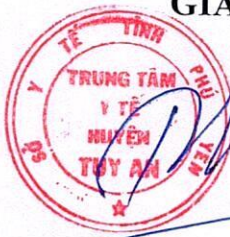
Điện thoại: 0257.3835064

Gmail: bvtakhoaduoc@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (b/c)
- CDC tỉnh (Đăng Website Sở Y tế)
- Website TTYT huyện Tuy An;
- Lưu TCHC, Khoa dược.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Thành Trung

**DANH MỤC VẬT TƯ TIÊU HAO, HOÁ CHẤT VÀ SINH PHẨM
CHẨN ĐOÁN INVITRO**

(Kèm theo Thông báo số: 283/TB-TTYT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của TTYT huyện Tuy An)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đv tính	Ghi chú
I. VẬT TƯ TIÊU HAO				
1	Ống nghiệm Tri-Na Citrat	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp được đóng trên đế mous thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Ống	
II. HOÁ CHẤT				
1	Autocal Calibrator	Chất hiệu chuẩn đa chức năng dùng cho nhiều thông số khác nhau. Thành phần: Mỗi lọ có 5.0ml chất hiệu chuẩn dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất có nguồn gốc động vật.. Điều kiện bảo quản (dạng đông khô): 2-8°C bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên: ở 25°C bền được 8 tiếng, 2-8°C bền được 7 ngày, -20°C bền được 1 tháng. Đóng gói: 4 x 5 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	
2	Gamma GT	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa, để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: gamma-Glutamyl3carboxy-4-nitroanilide, 37°C, IF - Thành phần: [BUF] Buffer / Enzyme reagent (R1) TRIS buffer, pH 8.3 125 mmol/l Glycylglycine 150 mmol/l Sodium azide 0.095% [SUB] Substrate (R2) L-gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l Sodium azide 0.095% - Bảo quản: 2 ... 8 ° C - Đóng gói: 8 x 50 ml - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đv tính	Ghi chú
3	GPT	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa, để định lượng GPT trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Enzymatic, 37°C, IFCC, without P5P - Thành phần: BUF Dung dịch đệm / thuốc thử Enzyme Dung dịch đệm TRIS (pH 7.4) 125 mmol/l L-alanine 625 mmol/l LDH ≥ 1.5 kU/l Sodium azide 0.095 % SUB Chất nền Substrate 2-oxoglutarate 75 mmol/l NADH 0.9 mmol/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: 2-8 ° C - Đóng gói: Hộp(8 x 40ml + 8 x 10 ml) - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	
4	Humatrol N	Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Mỗi lọ có 5.0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò. Điều kiện bảo quản (dạng đông khô): 2-8°C bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất: chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày, bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. Đóng gói: 6 x 5 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	
5	Auto -Creatinin LIQ	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng đông bằng heparine và nước tiểu. Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 160 mmol/l. R2: Picric Acid 13.9 mmol/l. Chất hiệu chuẩn Creatinine 2 mg/dl hoặc 176.8 μ mol/l. Điều kiện bảo quản: từ 15-25°C sau khi mở nắp bền tới hạn sử dụng, sử dụng trên máy bền được 4 tuần. Đóng gói: R1: 2 x 100 ml, R2: 1 x 50 ml, Chất hiệu chuẩn: 5ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	
6	Wash additive	Dung dịch rửa của máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Chất tẩy rửa 25 %, Chất bảo quản < 0.095 %. Điều kiện bảo quản: từ 2-25°C, vẫn ổn định ở nhiệt độ phòng cho đến ngày hết hạn ghi trên nhãn. Đóng gói: 4 x 25 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	
7	Special wash solution	Dung dịch rửa của máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Sodium hydroxide (NaOH) 2 mol/l. Điều kiện bảo quản: từ 2-25°C, bền đến ngày hết hạn ghi trên nhãn. Dung dịch rửa pha loãng 60 mmol/l có độ ổn định trong một tuần. Dung dịch đã pha loãng 1.2 mol/l nên được thải bỏ sau 6 tháng. Đóng gói: 12 x 30 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đv tính	Ghi chú
8	Isotonac 3	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium sulphate anhydrous \leq 1.1% Sodium chlorid \leq 0.5% Buffering agents \leq 0.5% Anti-Mikrobial agents \leq 0.3%. Thùng/20 lít	Thùng	
9	Cleanac (màu xanh)	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Protealztic enzyme \leq 0.5 % Buffer \leq 0.1 % Detergents \leq 1.0 %. Bình/5 lít	Bình	
10	Cleanac 3 (màu tím)	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium hypochlorite \leq 1.0% Sodium hydroxide \leq 1.0% . Bình/5 lít	Bình	
11	Hemolynac 3	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Quaternary Ammonium Salts \leq 5.0 %. Chai/500ml	Chai	
12	Dung dịch pha loãng (Diluent M-30D)	Thành phần: Sodium Sulphate Anhydrous: 7.5 - 11.5g/L Sodium Chloride: 3.5 - 5.5g/L Buffering Agents: 1.0 - 3.0g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents: 0.8 - 2.5g/L. Thùng/20 lít	Thùng	
13	Dung dịch rửa (Rinse M-30R)	Hệ thống hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học; Thành phần: Sodium Sulfate Anhydrous: 3.0 - 5.5g/L; Sodium Chloride: 7,5 - 11,5g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents: 1,0 - 3,0g/L; Polyoxyethylene: 0,3 - 1,5g/L; Can \geq 5 lít	Can	
14	Dung dịch pha loãng hồng cầu (M-30CFL)	Thành phần: Quaternary Ammonium Salts < 50g/L; Nonionic Surfactant < 15g/l Isopropanol 0.1-1.5mL/L Ethanol < 1.5mL/. Chai/500ml	Chai	
15	Dung dịch rửa máy đậm đặc (E -Z-M-30E)	Thành phần: Proteolytic Enzyme: 3.0-10g/L; Surfactant: 0.3-1.5g/L; Sodium Chloride: 3.0-5.0g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents: 0.5-2.5g/L; Buffering Agents: 1.0-4.0g/L. Chai/100ml	Chai	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đv tính	Ghi chú
16	C.K. Prest	Hóa chất dùng để xác định thời gian Kaolin thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương: Độ lặp lại đo mẫu bình thường: 1.4 CV% Độ lặp lại đo mẫu bất thường: 1.7 CV% Độ tái lập đo mẫu bình thường: 2.0 CV% Độ tái lập đo mẫu bất thường: 3.0 CV%. Hộp (6 x 2ml)	Hộp	
17	CaCl ₂ 0.025M 24 x 15ml	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh. Hộp (24 lọ x 15ml)	Hộp	
18	Neoplastine CI Plus	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu bán tự động: -Thuốc thử 1: Đóng gói 2 ml. Thromboplastin làm lạnh khô tinh chế từ mô não thỏ tươi, chứa chất ức chế heparin đặc hiệu. - Thuốc thử 2: Đóng gói 2 ml. Dung dịch hòa tan, có chứa Calci . Hộp (6 lọ x 2ml)	Hộp	
19	Viên khử khuẩn	50% Sodium Dichloroisocyanurate 2,5g, trọng lượng viên 5g.	Hộp	
20	Gel siêu âm	Dạng gel bôi ngoài da, dùng hỗ trợ trong quá trình siêu âm	Can	
III. SINH PHẨM				
1	Anti A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	
2	Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	
3	Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	
4	Anti D	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đv tính	Ghi chú
5	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương- Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương- Độ nhạy: 98.89 %, Độ đặc hiệu: 98.87 % - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04- Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20- Vạch chứng IgG dê kháng chuột- Bảo quản ở nhiệt độ thường- Ngưỡng phát hiện 1ng/ml	Test	
6	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1, chẩn đoán sốt xuất huyết	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1. Quy cách: 30 khay thử, 30 Pipet nhựa, 1 Lọ dung dịch đệm, 1 HDSD. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%; Độ chính xác tương quan: 99.0%.	Test	
7	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Xét nghiệm nhanh Syphilis Strip là xét nghiệm định tính dựa vào nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để phát hiện các kháng thể (IgA, IgM, IgG) kháng TP trong mẫu huyết thanh hoặc Huyết tương. Độ nhạy 99,5%; Độ đặc hiệu 99,8%. Bảo quản từ 2-40 độ C. ISO-13485	Test	
8	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần : Vùng cộng hợp: Protein A; Vạch kết quả: HCV Antigen; Vạch chứng: Chicken anti-Protein A. Độ nhạy >99.53%, độ đặc hiệu: 99.64%, độ chính xác: 99.75%. Dạng que. Đọc kết quả sau 10 phút. Ngưỡng phát hiện : nồng độ pha loãng 1:400 từ mẫu HCV.	Test	
9	Que thử nước tiểu 3 thông số	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: GLU, pH, PRO. Que thử sử dụng một lần.	Test	
10	Que thử nước tiểu 11 thông số sử dụng được cho máy Combi screen	Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic	Que	
	Tổng cộng: 31 khoản			

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP:
Địa chỉ:

Biểu mẫu 01

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Tuy An

Căn cứ Thông báo số: /TB-TTYT ngàytháng.....năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Tuy An V/v cung cấp báo giá vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, công ty chúng tôi.....

STT	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Hãng/Nước chủ sở hữu	Phân nhóm (TT14)	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá đã có VAT	Thành tiền	Mã KKG theo ND98	Ghi chú
1												
..												
	Tổng cộng:											

- Điều kiện giao hàng, thanh toán, bảo hành, bảo trì:.....

- Hiệu lực báo giá:.....

Ghi chú: Giá chào là giá đã bao gồm VAT, phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, lệ phí (nếu có)

....., ngày.....tháng.....năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ